

CHỦ THỂ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM MỸ THUẬT PHÁI SINH DO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO RA THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Phùng Nguyễn Tú Uyên¹

Email: tuuyen.140604@gmail.com, ORCID: 0009-0007-4714-2320

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 08/01/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/01/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1115

Tóm tắt: Sự gia tăng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sáng tạo hình ảnh đang làm xuất hiện ngày càng nhiều tác phẩm mỹ thuật phái sinh với mức độ hỗ trợ công nghệ khác nhau, qua đó đặt ra thách thức đối với việc xác định chủ thể được bảo hộ quyền tác giả. Khi AI tham gia sâu vào quá trình tạo tác, ranh giới giữa đóng góp sáng tạo của con người và hoạt động tạo sinh tự động trở nên khó phân định, đòi hỏi phải xem xét lại cách áp dụng các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở phân tích Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và các sửa đổi lập pháp gần đây, bài viết khẳng định nguyên tắc “tác giả là con người” vẫn giữ vai trò nền tảng; AI không phải là chủ thể quyền tác giả mà chỉ là công cụ hỗ trợ sáng tạo. Quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng AI chỉ được xem xét khi con người giữ vai trò sáng tạo mang tính quyết định và việc sử dụng dữ liệu huấn luyện bảo đảm tính hợp pháp. Từ đó, bài viết đề xuất cách tiếp cận phân hóa dựa trên mức độ can thiệp sáng tạo của con người và điều kiện pháp lý của dữ liệu.

Từ khóa: tác phẩm mỹ thuật phái sinh, trí tuệ nhân tạo, quyền tác giả

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh sáng tạo ngày càng gắn với hạ tầng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động sâu sắc đến cách thức hình thành và tiếp nhận nghệ thuật thị giác. AI không chỉ hỗ trợ nghệ sĩ trong việc gợi ý ý tưởng, bố cục hay màu sắc, mà còn có khả năng trực tiếp tạo sinh hình ảnh dựa trên khối lượng dữ liệu nghệ thuật khổng lồ. Hệ quả là các tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sự tham gia của AI ngày càng

phổ biến, kéo theo những vấn đề pháp lý mới về quyền tác giả.

Vấn đề trung tâm đặt ra là xác định chủ thể được bảo hộ quyền tác giả trong trường hợp này. Khác với sáng tạo truyền thống, sự can dự của AI làm mờ ranh giới giữa đóng góp sáng tạo có chủ ý của con người và hoạt động tạo sinh tự động của hệ thống kỹ thuật. Nếu áp dụng máy móc các quy phạm hiện hành, pháp luật có nguy cơ trở nên cứng nhắc, không phản

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

ánh đúng thực tiễn sáng tạo mới, hoặc mở rộng bảo hộ một cách thiếu kiểm soát, làm lu mờ vai trò trung tâm của yếu tố sáng tạo con người.

Trong khi pháp luật Việt Nam tiếp tục khẳng định nguyên tắc “tác giả là con người” và đồng thời bước đầu thừa nhận thực tiễn sáng tạo gắn với AI qua các sửa đổi lập pháp gần đây, việc làm rõ tiêu chí xác định chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh do AI tạo ra trở nên đặc biệt cần thiết. Bài viết tập trung phân tích vấn đề này nhằm định hình một cách tiếp cận cân bằng giữa bảo vệ quyền lợi của tác giả, bảo đảm trật tự pháp lý về sở hữu trí tuệ và tạo điều kiện cho sự phát triển của sáng tạo mỹ thuật trong kỷ nguyên số.

II. Cơ sở lý thuyết

Việc xác định chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh, đặc biệt trong bối cảnh có sự tham gia của trí tuệ nhân tạo được đặt trên nền tảng các học thuyết cơ bản về quyền tác giả trong khoa học pháp lý.

Theo cách tiếp cận nhấn mạnh yếu tố kinh tế của thuyết quyền tài sản (*Economic Incentive Theory*), quyền tác giả được nhìn nhận như một cơ chế pháp lý nhằm khuyến khích sáng tạo thông qua việc bảo đảm khả năng khai thác lợi ích vật chất từ tác phẩm. Trong khi đó, quan điểm đề cao yếu tố nhân thân của thuyết nhân thân (*Personality Theory*) lại tập trung vào mối liên hệ tinh thần giữa tác giả và tác phẩm, coi sản phẩm sáng tạo là sự phản ánh cá tính và dấu ấn trí tuệ của người sáng tạo. Theo cách tiếp cận này, việc cải biên, biến đổi hoặc tạo lập tác phẩm phái sinh không chỉ đặt ra vấn đề lợi ích kinh tế, mà còn liên

quan đến việc bảo vệ danh dự và sự toàn vẹn của tác phẩm gốc. Ở bình diện rộng hơn, học thuyết cân bằng lợi ích (*Balance of Interests Theory*) tiếp cận quyền tác giả như một cơ chế điều tiết nhằm hài hòa lợi ích giữa tác giả gốc, chủ thể sáng tạo tiếp nối và công chúng. Cách tiếp cận này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh xuất hiện các hình thức sáng tạo mới dựa trên công nghệ, khi tác phẩm phái sinh vừa tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền, vừa có thể đóng góp tích cực vào sự phát triển của đời sống văn hóa và công nghiệp sáng tạo.

Trên nền tảng các học thuyết nêu trên, việc nghiên cứu quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt và liên ngành, tập trung làm rõ tiêu chí nhận diện lao động trí tuệ thực chất của con người, qua đó xác lập ranh giới hợp lý giữa việc sử dụng công cụ kỹ thuật và hoạt động sáng tạo có thể được bảo hộ quyền tác giả.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, bao gồm phương pháp phân tích - bình luận quy phạm pháp luật nhằm làm rõ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành và các sửa đổi liên quan đến trí tuệ nhân tạo; phương pháp phân tích học thuyết để tiếp cận khái niệm chủ thể quyền tác giả và tiêu chí lao động trí tuệ trong bối cảnh sáng tạo mỹ thuật phái sinh; phương pháp so sánh pháp luật ở mức độ tham chiếu nhằm đối chiếu cách tiếp cận của Việt Nam với xu hướng lập pháp quốc tế; đồng thời kết hợp phương pháp phân tích tình huống và thực tiễn sáng tạo để minh họa các dạng sử dụng AI phổ biến trong mỹ thuật.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Chủ thể được bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh do AI tạo ra

Khoản 1 Điều 12a Luật Sở hữu trí tuệ quy định “*tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm*”, thể hiện rõ quan điểm lập pháp gắn tư cách tác giả với hoạt động sáng tạo của con người, dựa trên ý chí độc lập và trách nhiệm pháp lý đối với sản phẩm trí tuệ. Yêu cầu tại Khoản 3 Điều 14 rằng tác phẩm phái sinh phải “*do tác giả trực tiếp sáng tạo và không sao chép*” tiếp tục khẳng định lao động trí tuệ mang tính sáng tạo là tiêu chí trung tâm để xác lập quyền. Theo đó, pháp luật Việt Nam mặc nhiên loại trừ khả năng công nhận tư cách tác giả đối với các thực thể không có tư cách pháp lý và ý chí sáng tạo. Cách tiếp cận này tạo nền tảng quan trọng để xem xét vai trò của trí tuệ nhân tạo trong quá trình sáng tạo mỹ thuật phái sinh, đặc biệt khi công nghệ ngày càng tham gia sâu vào việc hình thành sản phẩm đầu ra.

Việc thừa nhận trí tuệ nhân tạo như một công cụ hỗ trợ sáng tạo không đồng nghĩa với việc mọi sản phẩm được hình thành với sự tham gia của công nghệ này đều đương nhiên làm phát sinh quyền tác giả cho người sử dụng. Trong khuôn khổ pháp luật về quyền tác giả, tư cách tác giả chỉ có thể được xác lập khi chủ thể chứng minh được sự tham gia sáng tạo mang tính trực tiếp và đáng kể của mình, thể hiện ở khả năng chi phối và định hình cấu trúc biểu đạt của tác phẩm cuối cùng. Những thao tác mang tính tối thiểu như nhập câu lệnh chung chung, lựa chọn ngẫu nhiên một kết quả trong số các phương án do hệ thống tạo sinh, hay áp dụng các bộ lọc, hiệu ứng có sẵn, về nguyên tắc không đáp ứng yêu cầu về “lao động trí tuệ trực

tiếp” theo Luật SHTT, bởi sản phẩm đầu ra thiếu dấu ấn sáng tạo cá nhân để có thể xác lập tư cách tác giả. Ngược lại, trong trường hợp người sử dụng AI giữ vai trò chủ đạo và kiểm soát thực chất toàn bộ quá trình tạo tác - từ việc định hướng nguồn dữ liệu, điều chỉnh các tham số tạo hình, xác lập bố cục, phong cách thị giác, đến việc tuyển chọn, chỉnh sửa và tái cấu trúc các kết quả do AI tạo ra nhằm hình thành một chỉnh thể biểu đạt mới - thì tác phẩm cuối cùng có thể được coi là kết quả của lao động trí tuệ con người với sự hỗ trợ của công nghệ. Khi đó, AI chỉ đóng vai trò phương tiện kỹ thuật, còn con người mới là chủ thể sáng tạo thực sự và có thể được xác định là tác giả theo nghĩa pháp lý.

Trong thực tiễn sáng tạo đương đại, ranh giới nêu trên được thể hiện khá rõ trong trường hợp sử dụng các công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo để xử lý và chuyển đổi hình ảnh theo những phong cách hội họa đã được định hình. Các hệ thống này thường được huấn luyện nhằm tái hiện các đặc trưng thị giác gắn với những họa sĩ nổi tiếng như Vincent Van Gogh, Edvard Munch hay Leonardo da Vinci, qua đó tạo ra các sản phẩm đầu ra mang tính mô phỏng rõ nét về bố cục, nét vẽ và bảng màu đặc trưng của các phong cách nghệ thuật tương ứng (VTV Online, 2019). Đây là ví dụ điển hình cho ranh giới pháp lý giữa việc “sử dụng công cụ kỹ thuật” và “sáng tạo tác phẩm mỹ thuật phái sinh” có thể được bảo hộ quyền tác giả.

Trong trường hợp tạo tranh theo phong cách của các họa sĩ hoặc trường phái kinh điển từ ảnh chụp, người sử dụng AI thường chỉ cung cấp dữ liệu đầu vào và áp dụng phong cách thị giác có sẵn, trong khi toàn bộ quá trình chuyển đổi hình ảnh được hệ thống AI tự động

thực hiện. Ở đây, vai trò của con người chủ yếu dừng lại ở việc kích hoạt công cụ kỹ thuật, thiếu sự can thiệp sáng tạo trực tiếp, nên sản phẩm đầu ra về bản chất là kết quả của hoạt động tạo sinh tự động và khó đáp ứng yêu cầu “*lao động trí tuệ trực tiếp*” để được bảo hộ quyền tác giả. Ngược lại, khi người sử dụng AI tham gia một cách chủ động và có ý nghĩa vào quá trình tạo tác - thông qua việc định hướng ý tưởng, điều chỉnh các tham số tạo hình, can thiệp vào bố cục, màu sắc hoặc tái tổ chức các kết quả do AI tạo ra - thì tác phẩm cuối cùng có thể phản ánh dấu ấn sáng tạo độc lập của con người. Trong trường hợp này, việc vận dụng phong cách của một họa sĩ không còn mang tính mô phỏng cơ học, mà trở thành quá trình kiến tạo một cấu trúc biểu đạt mới, qua đó có thể được xem xét như một tác phẩm mỹ thuật phái sinh.

Từ ví dụ trên có thể thấy rằng, trong bối cảnh sử dụng trí tuệ nhân tạo, việc xác định chủ thể được bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh không phụ thuộc vào bản thân công nghệ, mà phụ thuộc vào mức độ can thiệp sáng tạo của con người đối với cấu trúc biểu đạt của tác phẩm. AI chỉ đóng vai trò là công cụ; quyền tác giả chỉ phát sinh khi con người thực hiện các lựa chọn sáng tạo độc lập và chịu trách nhiệm đối với quá trình tạo tác.

Trên thế giới, nhiều hệ thống pháp luật đã bước đầu hình thành cách tiếp cận đối với vấn đề này. Tại Hoa Kỳ, pháp luật bản quyền tiếp tục khẳng định nguyên tắc “human authorship”, theo đó chỉ những tác phẩm có sự tham gia sáng tạo của con người mới đủ điều kiện được bảo hộ. Cơ quan Bản quyền Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh

rằng các sản phẩm do AI tạo ra hoàn toàn, không có sự can thiệp sáng tạo đáng kể của con người, sẽ không được đăng ký bảo hộ; tuy nhiên nếu AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ và con người kiểm soát quá trình sáng tạo, quyền tác giả vẫn có thể được công nhận đối với phần đóng góp của con người (Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ, 2023). Tương tự, Liên minh châu Âu khẳng định trí tuệ nhân tạo không phải là chủ thể pháp lý có thể sở hữu quyền tác giả; việc bảo hộ tiếp tục gắn với yếu tố sáng tạo của con người, đồng thời chú trọng xây dựng các quy định về khai thác dữ liệu và văn bản (*text and data mining*) nhằm cân bằng giữa bảo hộ quyền tác giả và phát triển công nghệ (Nghị viện châu Âu và Hội đồng Liên minh châu Âu, 2019).

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng xu hướng chung của pháp luật quốc tế, bao gồm Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, đều không thừa nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể quyền tác giả, mà tiếp tục duy trì nguyên tắc gắn quyền tác giả với hoạt động sáng tạo của con người. Cách tiếp cận này cũng được phản ánh trong pháp luật Việt Nam khi Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ 01/3/2026) tiếp tục củng cố cách tiếp cận này khi khẳng định bản chất của AI là “*việc thực hiện bằng điện tử các năng lực trí tuệ của con người*”². Cách định nghĩa này nhấn mạnh rằng AI chỉ là công nghệ mô phỏng, không phải là chủ thể có tư cách pháp lý độc lập. Đáng chú ý hơn, Điều 17 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về cơ sở dữ liệu phục vụ AI đặt ra một yêu cầu pháp lý mới có ý nghĩa đặc biệt đối với các tác phẩm mỹ thuật phái sinh do AI tạo ra. Theo đó, “*việc tạo lập, quản lý và khai thác dữ liệu*

² Theo Khoản 1 Điều 3 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025.

*phục vụ huấn luyện, kiểm thử và phát triển AI phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ*³. Quy định này cho thấy pháp luật không chỉ quan tâm đến chủ thể sáng tạo, mà còn đặt trọng tâm vào tính hợp pháp của quá trình huấn luyện và vận hành AI. Theo đó, khả năng bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng AI phụ thuộc vào việc hệ thống AI được khai thác trên cơ sở dữ liệu hợp pháp, không xâm phạm quyền tác giả hoặc thuộc các giới hạn, ngoại lệ do pháp luật quy định. Vì vậy, việc xác lập quyền tác giả trong bối cảnh sử dụng trí tuệ nhân tạo không chỉ gắn với lao động sáng tạo của con người ở đầu ra, mà còn gắn chặt với trách nhiệm pháp lý đối với dữ liệu và toàn bộ chuỗi tạo tác ở đầu vào.

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng pháp luật Việt Nam, cả ở thời điểm hiện hành và trong các định hướng lập pháp sắp tới, đều không thừa nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể quyền tác giả; quyền này, về nguyên tắc, chỉ có thể thuộc về con người hoặc tổ chức đứng sau quá trình sáng tạo. Tuy nhiên, mặc dù pháp luật Việt Nam hiện hành khẳng định nguyên tắc “tác giả là con người”, việc xác định chủ thể quyền tác giả đối với các tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo trong thực tiễn vẫn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý chưa được giải quyết một cách đầy đủ.

Thứ nhất, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về tiêu chí xác định mức độ tham gia sáng tạo của con người trong trường hợp sử dụng trí tuệ nhân tạo. Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định rằng tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm,

nhưng chưa làm rõ trong trường hợp có sự hỗ trợ của công nghệ tạo sinh, những hoạt động nào của con người có thể được coi là “lao động trí tuệ trực tiếp”. Trong thực tiễn sáng tạo mỹ thuật số, người sử dụng AI có thể tham gia ở nhiều mức độ khác nhau, từ việc chỉ nhập câu lệnh đơn giản cho đến việc kiểm soát toàn bộ quá trình tạo tác, lựa chọn và chỉnh sửa kết quả đầu ra. Sự đa dạng này khiến việc áp dụng tiêu chí “trực tiếp sáng tạo” trở nên khó khăn nếu không có hướng dẫn pháp lý cụ thể.

Thứ hai, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng để xử lý mối quan hệ giữa việc tạo ra tác phẩm mới bằng AI và việc sử dụng dữ liệu huấn luyện. Các hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh thường được huấn luyện trên tập dữ liệu lớn bao gồm nhiều tác phẩm mỹ thuật đã tồn tại trước đó. Trong trường hợp dữ liệu này bao gồm các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả mà không có sự cho phép của chủ sở hữu quyền, việc khai thác hệ thống AI có thể dẫn đến nguy cơ xâm phạm quyền tác giả, đồng thời làm phát sinh tranh chấp liên quan đến tính hợp pháp của tác phẩm đầu ra.

Thứ ba, hệ thống pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá các tác phẩm mỹ thuật phái sinh được tạo ra bằng AI trong hoạt động đăng ký quyền tác giả và trong giải quyết tranh chấp. Trong bối cảnh công nghệ tạo sinh ngày càng phổ biến, cơ quan quản lý và cơ quan xét xử có thể gặp khó khăn trong việc xác định liệu tác phẩm đó có phản ánh dấu ấn sáng tạo của con người hay chỉ là kết quả của quá trình tạo sinh tự động.

Những khoảng trống pháp lý nêu trên cho thấy nhu cầu cần có các hướng

³ Theo Khoản 1 Điều 17 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025.

dẫn cụ thể nhằm làm rõ tiêu chí xác định chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền của tác giả và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật số.

4.2. Đề xuất hoàn thiện pháp luật về xác định chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo

Từ những phân tích về thực trạng và các khoảng trống pháp lý trong việc xác định chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo, có thể thấy việc hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam cần tập trung vào hai vấn đề cốt lõi: làm rõ tiêu chí xác định lao động sáng tạo của con người và bảo đảm tính hợp pháp của dữ liệu, công nghệ được sử dụng trong quá trình tạo tác. Trên cơ sở đó, một số định hướng hoàn thiện pháp luật có thể được đặt ra như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng các tiêu chí pháp lý cụ thể để xác định mức độ tham gia sáng tạo của con người trong các trường hợp sử dụng trí tuệ nhân tạo. Pháp luật hiện hành chỉ quy định tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm nhưng chưa làm rõ, trong bối cảnh công nghệ tạo sinh, những hoạt động nào của con người có thể được coi là “lao động trí tuệ trực tiếp”. Do đó, các văn bản hướng dẫn cần làm rõ các yếu tố đánh giá như: mức độ kiểm soát của con người đối với ý tưởng sáng tạo, việc lựa chọn và điều chỉnh tham số tạo sinh, quá trình tuyển chọn và chỉnh sửa kết quả đầu ra, cũng như khả năng định hình cấu trúc biểu đạt cuối cùng của tác phẩm. Việc xác lập các tiêu chí này sẽ giúp cơ quan quản lý và cơ quan xét xử có cơ sở rõ ràng hơn khi đánh giá vai trò sáng tạo của con người trong các tác phẩm có sử dụng AI.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm tính hợp pháp của dữ liệu và công nghệ được sử dụng trong quá trình tạo sinh tác phẩm. Các hệ thống AI thường được huấn luyện trên tập dữ liệu lớn có thể bao gồm nhiều tác phẩm đang được bảo hộ quyền tác giả. Vì vậy, việc xác định quyền đối với sản phẩm đầu ra cần gắn với trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc sử dụng dữ liệu huấn luyện. Theo hướng này, pháp luật có thể yêu cầu chủ thể khai thác hệ thống AI phải bảo đảm rằng việc sử dụng dữ liệu để huấn luyện, kiểm thử hoặc phát triển hệ thống không xâm phạm quyền tác giả hoặc thuộc các trường hợp ngoại lệ do pháp luật quy định. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng lập pháp quốc tế, đặc biệt trong các khuôn khổ pháp lý gần đây của Liên minh châu Âu.

Thứ ba, cần bổ sung hướng dẫn cụ thể cho cơ quan quản lý và cơ quan có thẩm quyền trong việc đánh giá tư cách tác giả đối với các tác phẩm được tạo ra với sự hỗ trợ của AI trong quá trình đăng ký quyền tác giả và giải quyết tranh chấp. Các hướng dẫn này cần làm rõ trách nhiệm chứng minh của chủ thể yêu cầu bảo hộ cũng như các căn cứ để xác định mức độ đóng góp sáng tạo của con người đối với tác phẩm.

Trong bối cảnh Việt Nam đang sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, những nội dung nêu trên có thể được cụ thể hóa trong quá trình hoàn thiện Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2023/NĐ-CP. Việc bổ sung các quy định liên quan đến tác phẩm được tạo ra với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo không chỉ làm rõ nguyên tắc “tác giả là con người”, mà còn tạo cơ sở pháp lý minh bạch hơn cho việc bảo hộ và khai thác các sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực

nghệ thuật số. Về lâu dài, việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển công nghiệp sáng tạo và kinh tế số, nhằm vừa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể sáng tạo, vừa tạo điều kiện cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ sáng tạo mới trong kỷ nguyên số.

V. Kết luận

Việc trí tuệ nhân tạo ngày càng được tích hợp vào hoạt động sáng tạo mỹ thuật phái sinh đang đặt ra yêu cầu điều chỉnh mới đối với chaế định quyền tác giả, trước hết là vấn đề xác định chủ thể được bảo hộ. Trên cơ sở các quy định hiện hành và định hướng lập pháp của Việt Nam, có thể khẳng định rằng trí tuệ nhân tạo không được thừa nhận là tác giả, mà chỉ được xem như phương tiện hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo của con người. Theo đó, quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật phái sinh có sử dụng trí tuệ nhân tạo chỉ được xem xét phát sinh khi con người giữ vai trò sáng tạo mang tính quyết định trong việc định hình cấu trúc biểu đạt của tác phẩm và đồng thời bảo đảm tính hợp pháp của toàn bộ chuỗi tạo tác, từ dữ liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra. Cách tiếp cận này cho phép pháp luật duy trì sự cân bằng cần thiết giữa việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể sáng tạo và yêu cầu thích ứng linh hoạt với những phương thức sáng tạo mới trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022).
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2025.
- Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025.
- Nghị viện châu Âu và Hội đồng Liên minh châu Âu (2019). Chỉ thị (EU) 2019/790 về quyền tác giả và quyền liên quan trong thị trường số (Directive (EU) 2019/790 on Copyright in the Digital Single Market). *Công báo chính thức của Liên minh châu Âu (Official Journal of the European Union)*. <https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2019/790/oj>, truy cập lần cuối ngày 23/10/2025.
- Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ (U.S. Copyright Office). (2023). Hướng dẫn đăng ký bản quyền đối với các tác phẩm có chứa nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra (“Copyright Registration Guidance: Works Containing Material Generated by Artificial Intelligence”), *Công báo Liên bang Hoa Kỳ (Federal Register)*, Tập 88, số 51.
- VTV Online. (2019). Ứng dụng biến hóa ảnh chụp thành tranh vẽ nghệ thuật “gây sốt” trên toàn cầu. *Thời báo VTV*. <https://vtv.vn/cong-nghe/ung-dung-bien-hoa-anh-chup-thanh-tranh-ve-nghe-thuat-gay-sot-tren-toan-cau-20190912192754049.htm>, truy cập lần cuối ngày 23/10/2025.

DETERMINING AUTHORSHIP OF DERIVATIVE VISUAL ARTWORKS CREATED USING ARTIFICIAL INTELLIGENCE UNDER VIETNAMESE LAW

Phung Nguyen Tu Uyen¹

Abstract: *The increasing use of artificial intelligence (AI) in visual image creation has led to the emergence of a growing number of derivative visual artworks developed with varying degrees of technological assistance, thereby challenging the determination of copyright authorship. As AI becomes more deeply involved in the creative process, the boundary between human creative contribution and automated generation becomes increasingly difficult to delineate, calling for a reconsideration of how existing copyright rules are applied. Based on an analysis of Vietnamese copyright law and recent legislative developments, this article affirms that the human-centered authorship principle remains fundamental: AI cannot be recognized as a copyright author but functions solely as a tool supporting human creativity. Copyright protection for AI-assisted derivative visual artworks should therefore be considered only where human involvement constitutes a decisive creative contribution and where the use of training data complies with applicable legal requirements. On this basis, the article proposes a differentiated approach grounded in the degree of human creative intervention and the legal status of AI training data.*

Keywords: *derivative artworks, artificial intelligence (AI), copyright, authorship*

¹ Hanoi Law University